



Nhìn lại 5 năm thực hiện Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo tinh thần Nghị quyết 29-NQ/TW

■ PGS.TS NGUYỄN KIM SƠN

Đại học Quốc gia Hà Nội được Chương trình cấp Quốc gia về Khoa học Giáo dục giao thực hiện đề tài Khoa học cấp Nhà nước nhằm đánh giá những tác động của Nghị quyết 29 về đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT. Ngày 18/9/2018, ĐHQGHN đã tổ chức hội thảo báo cáo kết quả đề tài nghiên cứu nhằm phân tích, thảo luận các kết quả và nêu ra những vấn đề trong quá trình triển khai đổi mới, đề xuất các giải pháp để công cuộc đổi mới giáo dục và đào tạo thành công. Bản tin ĐHQGHN trân trọng giới thiệu bài viết của Giám đốc ĐHQGHN Nguyễn Kim Sơn.



Giám đốc ĐHQGHN
Nguyễn Kim Sơn

Cho đến năm 2013, Nghị quyết của Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VIII) số 02-NQ/HNTW về “định hướng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và nhiệm vụ đến năm 2000”, ban hành năm 1996, thực hiện được 17 năm. Tuy nhiên, chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo (GD&ĐT) còn thấp so với yêu cầu, nhất là giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp. Để khắc phục những bất cập, phát huy những thành công của GD&ĐT, nhằm tạo ra những thay đổi căn bản, tháng 11 năm 2013 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) đã ban hành Nghị quyết 29-NQ/TW (sau đây gọi là Nghị quyết 29) về đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT.

ĐHQGHN được Chương trình cấp Quốc gia về Khoa học Giáo dục giao thực hiện đề tài Khoa học cấp Nhà nước nhằm đánh giá những tác động của Nghị quyết 29. Trên thực tế, Nghị

quyết 29 chỉ được triển khai rộng rãi từ nửa cuối năm 2014, tức là cho đến nay chưa được 5 năm. Nghị quyết mang tính chiến lược, trong đó có những mục tiêu trung hạn, dài hạn. Chính vì vậy, khoảng thời này chưa phải dài, trong khi những thay đổi trong giáo dục luôn có độ trễ lớn. Đây là một bối cảnh cần cân nhắc trong quá trình đánh giá về việc thực hiện Nghị quyết.

Nhóm nghiên cứu của ĐHQGHN đã thực hiện khảo sát xã hội học, phỏng vấn, thảo luận với trên 4.000 lượt cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên, giảng viên đại học, người học và cả cha mẹ học sinh, thu thập số liệu thống kê giai đoạn 2013 - 2017, thực hiện các phân tích, so sánh. Qua đó, nhóm nghiên cứu ghi nhận những tác động, chuyển biến tích cực, những khó khăn và tồn tại trong việc thực hiện Nghị quyết 29.

MỘT SỐ CHUYỂN BIẾN TÍCH CỰC

Giáo dục mầm non: Đến hết năm học





2013 - 2014 cả nước mới có 18 tỉnh được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi. Nhưng, năm 2017, toàn ngành giáo dục (63 tỉnh thành) hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi đã đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi. Việc thực hiện thành công các mục tiêu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi đã tác động mạnh mẽ đến việc nâng cao chất lượng giáo dục mầm non, đặc biệt là giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi. Chất lượng phổ cập ngày càng được nâng cao. Tháng 8/2018, Chính phủ đã thống nhất chủ trương thực hiện chính sách miễn học phí đối với trẻ em mầm non 5 tuổi và hỗ trợ đóng học phí cơ sở ngoài công lập đối với trẻ em diện phổ cập, nhất là đối với các thôn, xã đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa theo quy định của Hiến pháp năm 2013 và Nghị quyết 29 của Trung ương.

Giáo dục phổ thông: Nghị quyết 29 xác định “phấn đấu đến năm 2020, có 80% thanh niên trong độ tuổi đạt trình độ giáo dục trung học phổ thông và tương đương”. Tính đến 2017, số học sinh trung học phổ thông của Việt Nam là trên 2,5 triệu và số học sinh trung học nghề và trung học chuyên nghiệp trong

các năm 2016, 2017 khoảng gần 600 ngàn. Như vậy, tổng số đã đạt khoảng trên 67% thanh niên trong độ tuổi đạt trình độ giáo dục trung học phổ thông và tương đương.

Chất lượng giáo dục phổ thông được nâng lên được quốc tế ghi nhận và đánh giá cao. Theo báo cáo “Tăng trưởng thông minh hơn: Học tập và Phát triển công bằng ở Đông Á - Thái Bình Dương” năm 2018 của Ngân hàng Thế giới đã khẳng định 7 trong số 10 hệ thống giáo dục đổi mới hàng đầu của thế giới nằm ở khu vực Đông Á - Thái Bình Dương, trong đó sự phát triển thực sự ấn tượng là ở hệ thống giáo dục của Việt Nam và Trung Quốc. Báo cáo Phát triển 2018 của Ngân hàng thế giới “Learning to realize education’s promise” tái khẳng định đánh giá trong nhiều nghiên cứu là năng lực học sinh lứa tuổi 15 ở nước ta, một nước thu nhập trung bình thấp, có kết quả vượt mức trung bình của học sinh các nước khối OECD.

Trong 5 năm gần đây, thành tích của các đội tuyển quốc gia Việt Nam dự thi Olympic quốc tế và khu vực liên tục duy trì thành tích ở mức rất cao. Đặc biệt, năm 2017, có 07 đội tuyển đạt thành tích cao nhất so với các năm trước đó, nhất là ở các môn Toán, Vật



Đến năm 2018, có 7 CSGD ĐH lọt vào top 500 vào bảng xếp hạng đại học QS Châu Á. Trong đó, ĐHQGHN xếp vị trí 124 Châu Á. Đặc biệt, năm 2018 lần đầu tiên lĩnh vực Vật lý của ĐHQGHN được xếp hạng 502 trên thế giới theo US News và hai ĐHQG vào nhóm 1000 hàng đầu thế giới theo bảng xếp hạng QS Thế giới. Ngoài ra, cũng đã có 3 trường đại học đạt mức 3 sao, 1 trường đạt mức 4 sao theo chuẩn gắn sao đại học thế giới (QS Star Rating).

lí, Hóa học và Sinh học; năm 2018 đội tuyển Olympic quốc tế môn Sinh học đạt thành tích rất xuất sắc, có 01 học sinh đạt điểm cao nhất trong tất cả thí sinh và đã được Ban tổ chức vinh danh là Người chiến thắng.

Đến nay, Bộ GDĐT đã hoàn thành và ban hành Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể, thẩm định các chương trình môn học và tổ chức thực nghiệm chương trình môn học trong chương trình giáo dục phổ thông mới. Chương trình phổ thông mới thay đổi căn bản cách tiếp cận từ “theo nội dung” sang theo hướng “phát triển năng lực và phẩm chất”, dạy học “tích hợp” ở cấp dưới, “dạy” phân hóa” ở cấp trên”, tăng cường các môn tự chọn. Mặc dù, chương trình chưa áp dụng chính thức, nhưng các yếu tố về phương pháp giáo dục, dạy học và kiểm tra đánh giá đã được áp dụng từng phần ở các bậc. Thí dụ, nhiều phương pháp giáo dục hay nhằm phát triển năng lực của học

sinh như bàn tay nặn bột, phương thức VNEN, phương pháp Đan Mạch dạy Mỹ thuật được phổ biến và triển khai. Bộ GDĐT đã ban hành Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT, Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT về đánh giá học sinh tiểu học, trong đó chú trọng đánh giá sự tiến bộ của học sinh bằng cách chú trọng động viên, khuyến khích sự cố gắng trong học tập và rèn luyện, kết hợp đánh giá bằng nhận xét và bằng điểm số, kết hợp đánh giá của giáo viên, học sinh và cha mẹ học sinh.

Từ năm 2015 đến nay, kỳ thi tốt nghiệp THPT đổi mới theo hướng tổ chức kỳ thi THPT quốc gia với 02 mục đích vừa xét công nhận tốt nghiệp THPT và vừa làm căn cứ xét tuyển đại học, cao đẳng. Cho dù còn có những yếu tố kỹ thuật cần khắc phục, nhưng về cơ bản, những đổi mới này thực sự làm giảm áp lực xã hội trong thi cử, khắc phục một bước tình trạng học lệch và luyện thi tràn lan. Điều này cực kì rõ nếu chúng ta nhìn lại bối



cảnh các kì thi tốt nghiệp THPT và kì thi đại học trước năm 2015.

Giáo dục đại học: Chất lượng giáo dục đại học từng bước được thế giới công nhận thông qua kiểm định chất lượng và xếp hạng đại học quốc tế. Từ trước 2014, chỉ có 15 chương trình đào tạo của hai Đại học Quốc gia được các tổ chức của khu vực ASEAN hay quốc tế đánh giá. Nhưng, đến năm 2018 đã có tổng số 104 chương trình đào tạo từ 13 trường đại học khác của Việt Nam, đã được các tổ chức quốc tế (AUN-QA của ASEAN, CTI của Pháp, ABET và AACSB của Hoa Kỳ) đánh giá ngoài và công nhận. Đồng thời, có 05 cơ sở giáo dục đại học (CSGD ĐH) tham gia kiểm định cấp trường, được Hội đồng Cấp cao về đánh giá nghiên cứu và giáo dục đại học Pháp và Mạng lưới đảm bảo chất lượng các trường đại học ASEAN đánh giá và công nhận. Thứ hạng trong các bảng xếp hạng đại học quốc tế của các CSGD ĐH Việt Nam ngày càng được cải thiện. Nếu như trước năm 2014, cả Việt Nam duy nhất ĐHQGHN lọt vào bảng xếp hạng đại học Châu Á của Tổ chức xếp hạng đại học QS với vị trí trong nhóm 250 trường hàng đầu, đến năm 2018, có 7 CSGD ĐH lọt vào top 500 vào bảng xếp hạng

đại học QS Châu Á. Trong đó, ĐHQGHN xếp vị trí 124 Châu Á. Đặc biệt, năm 2018 lần đầu tiên lĩnh vực Vật lý của ĐHQGHN được xếp hạng 502 trên thế giới theo US News và hai ĐHQG vào nhóm 1000 hàng đầu thế giới theo bảng xếp hạng QS Thế giới. Ngoài ra, cũng đã có 3 trường đại học đạt mức 3 sao, 1 trường đạt mức 4 sao theo chuẩn gắn sao đại học thế giới (QS Star Rating).

Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đại học có việc làm khá cao. Theo số liệu của Bộ LĐ TB&XH, tỷ lệ thất nghiệp trong các cử nhân đại học quý 3 năm 2018 là 2,17%. Kết quả khảo sát độc lập về việc làm thông qua phỏng vấn trực tiếp 25000 sinh viên tốt nghiệp sau 12 tháng của 50 trường đại học ở cả ba miền, do Trung tâm Kiểm định Chất lượng Giáo dục – ĐHQGHN thực hiện cũng cho thấy, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm trung bình là 84% (chưa tính số người đi học tiếp), nhiều trường đạt từ 85 – 97%. Thu nhập trung bình khoảng 7 triệu/tháng.

Tự chủ đại học cũng được đẩy mạnh thông qua việc triển khai Nghị quyết 77/NQ-CP năm 2014, theo đó, cho đến nay 23 CSGD ĐH đã được giao thí điểm đổi



mới cơ chế hoạt động. Kể từ khi các trường này được giao tự chủ, số lượng các đề tài khoa học đầu thủ thành công, số lượng các công bố trong nước, quốc tế tăng; số lượng các chương trình mở mới tăng, qui mô đào tạo ổn định, thu nhập giảng viên, người lao động tăng.

MỘT SỐ TỒN TẠI VÀ HẠN CHẾ CHÍNH

Việc thực hiện một chủ trương lớn như Nghị quyết 29 chưa được 5 năm, chính vì vậy, còn nhiều mục tiêu, nhiệm vụ được xác định trong Nghị quyết này đang trong quá trình thực hiện. Nhóm nghiên cứu cũng thấy có những khó khăn, thách thức trong việc triển khai trong thời gian tiếp theo. Dưới đây là một số tồn tại và hạn chế chính.

Một là, Nghị quyết 29 không xác định rõ lộ trình, khung các chỉ số thực hiện, cho nên các cấp, ban, ngành khá lúng túng trong việc triển khai. Việc ngành GD&ĐT xác định “đổi mới thi cử” là khâu đột phá trong bối cảnh những bức xúc gắn với thi cử với kỳ vọng đổi mới thi cử sẽ đem lại tác động dội ngược (washback effect), là phù hợp với các lý thuyết đánh giá giáo dục. Tuy nhiên, đây lại là vấn đề nhạy cảm,

chạm đến cảm xúc của nhiều tầng lớp dân cư, cho nên việc khó áp dụng triệt để những đổi mới. Bên cạnh đó, những tiêu cực trong giáo dục xảy ra khiến cho lòng tin xã hội với giáo dục bị ảnh hưởng. Điều này cũng gây khó khăn cho việc thực hiện những đổi mới.

Hai là, quan niệm “giáo dục và đào tạo” là việc của ngành giáo dục vẫn còn khá phổ biến. Chính điều này dẫn đến việc sự tham gia của các Ban, Ngành từ trung ương đến địa phương vào giáo dục chưa thực sự hiệu quả. Các đề án trong Nghị quyết 44 của Chính phủ nhằm thực hiện Nghị quyết 29, do các Bộ, Ngành thực hiện, hoặc được chuyển đổi, hoặc chưa triển khai, hoặc triển khai ở mức độ rất hạn chế. Sự thiếu đồng bộ hoặc chậm trễ trong việc ban hành các chính sách liên quan đến đổi mới GD&ĐT, nhất là các chính sách về đào tạo bồi dưỡng, chế độ làm việc của giảng viên, qui chuẩn về cơ sở vật chất, quy định về thực hiện tự chủ đại học và các Luật khác như luật viên chức, công chức, luật ngân sách, luật đầu tư công... Tiến độ ban hành chương trình giáo dục phổ thông mới bị chậm.

Ba là, nguồn lực tài chính thực tế cho đổi mới GDĐT còn thiếu. Do qui mô ngân sách nước ta còn nhỏ,



cho nên chi thực tế cho giáo dục còn ít so với nhu cầu của một nền giáo dục đang phát triển, một nước có dân số đông và trẻ, đang độ tuổi đi học, khó để tạo ra những bút phá. Viện trợ không hoàn lại, nguồn ODA cho giáo dục trong ba năm gần đây cũng giảm mạnh. Nguồn lực tài chính để giải quyết những bức xúc liên quan đến cơ sở vật chất, như xây mới trường học đáp ứng nhu cầu học tập gia tăng, kiên cố hóa trường học, hay thậm chí là nâng cấp, cải thiện nhà vệ sinh trường học còn thiếu. Sự e ngại về gia tăng nợ công dẫn đến một số chính sách hỗ trợ cho giáo dục khó được thông qua, ví dụ, như chính sách lương đối với nhà giáo, hay một số đề án quan trọng khác.

Bốn là, năng lực đội ngũ quản lý giáo dục, nhà giáo các cấp còn yếu, chưa theo kịp với tiến trình đổi mới. Mặc dù tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo cao, nhưng, năng lực ứng dụng những phương pháp dạy học và giáo dục mới, năng lực thực hiện các phương pháp kiểm tra đánh giá mới, năng lực ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin còn kém. Cơ cấu đội ngũ giáo viên phổ thông mất cân đối tạo ra sự thừa,

thiếu cục bộ; chính sách tiền lương cho giáo viên, đặc biệt là giáo viên mầm non chưa phù hợp, cho nên chưa thu hút được sinh viên giỏi vào ngành sư phạm.

Năm là, chất lượng giáo dục đại học còn thấp so với mặt bằng các nước trong khu vực và trên thế giới. Chưa có trường đại học nào lọt nhóm 500 thế giới, trong khi theo quy hoạch các trường đại học, cao đẳng thì đến năm 2020 Việt Nam có 1 trường đại học lọt top 200 thế giới. Bên cạnh đó, vẫn còn ít trường đại học Việt Nam được kiểm định chất lượng quốc tế, các nghiên cứu khoa học chưa có tính ứng dụng cao, chưa có nhiều đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội, chỉ số công bố quốc tế còn thấp hơn nhiều so với các nước phát triển trong khu vực.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP MỚI

Để thực hiện hiệu quả đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW, cần phải có thêm những giải pháp mới, đó là:

Thứ nhất, sau khi rà soát lại việc thực hiện Nghị quyết 29, Trung ương nghiên cứu ban hành Khung chỉ số,



lộ trình thực hiện cho giai đoạn 5 năm tiếp theo của Nghị quyết 29. Khung chỉ số này chính là căn cứ giám sát và đánh giá. Trong đó, cần xác định rõ ràng hơn trách nhiệm của các Ban, ngành, các cấp trong việc thực hiện Nghị quyết. Nên tăng cường vai trò điều phối của Ủy ban Đổi mới GD&ĐT trong việc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp.

Thứ hai, rà soát sửa đổi đồng bộ các văn bản quy phạm pháp luật để tránh việc một chính sách thì “mở”, nhưng chính sách khác lại vẫn “đóng”. Cần mạnh mẽ trong việc phát triển hóa các quan điểm, các định hướng trong Nghị quyết 29. Thí dụ, cần giám sát thực tế việc chi ngân sách đúng, đủ cho ngành giáo dục ở các cấp. Đồng thời, cần ưu tiên về các nguồn ODA cho đầu tư trong giáo dục. Khi một chính sách được ban hành, cần có đủ các nguồn lực để triển khai. Các nguồn lực nên ưu tiên giải quyết những tồn đọng trong đầu tư cho trường, lớp, trang thiết bị giáo dục của cơ sở vật chất cho các cơ sở giáo dục từ mầm non cho đến đại học, nhất là nhu cầu về cơ sở vật chất cho việc thực hiện Chương trình phổ thông mới.

Thứ ba, nên nhanh chóng đánh giá, rà soát đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên các trường phổ thông theo chuẩn về cán bộ quản lý giáo dục, chuẩn nghề nghiệp giáo viên mà Bộ GD&ĐT mới ban hành, qua đó đào tạo lại, đào tạo đúng cơ cấu, theo chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ bổ sung kịp thời cho việc thực hiện Chương trình phổ thông mới.

Thứ tư, đẩy mạnh tự chủ đại học, tăng cường phân quyền cho các CSGD ĐH đi kèm theo yêu cầu về các quy chuẩn vận hành, các điều kiện đảm bảo chất lượng và trách nhiệm giải trình.

Thứ năm, cần đẩy mạnh hơn nữa công tác truyền thông về GDĐT. Đặc biệt, cần tăng cường lòng tin xã hội với giáo dục thông qua việc cung cấp thông tin đúng, đủ, kịp thời và mang tính xây dựng về những mặt tích cực và cả những tiêu cực trong giáo dục.